TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hừng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Ông Mai Văn Tài.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Nguyễn Thị T Q, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 08, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh A (có mặt).*

2. Bị đơn: Dương Văn P, sinh năm 1995; địa chỉ: Đường Lê Thánh Tông, khóm 02, thị trấn T, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 09/6/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị T Q trình bày:

Bà Q và ông P có quen biết trước tự nguyện tìm hiểu được 02 năm đến năm 2016 tổ chức lễ cưới về chung sống và ngày 13/3/2018 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến

khoảng tháng 5 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân do ông P không quan tâm tới vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ dẫn đến mâu thuẫn cự cãi trong gia đình. Bà Q đã nhiều lần nỗ lực khuyên can hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung có 01 con chung tên Dương Nguyễn N H, sinh ngày 28/3/2018 hiện bà Q đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Dương Văn P vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành T tụng của Tòa án và tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Trong quá trình tiến hành T tụng do bị đơn cố tình vắng mặt Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật T tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia T tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà Q, ông P trên cơ sở, quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn hợp pháp vào 2018.

Đến tháng 5 năm 2019 hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông P không quan tâm chăm lo cho vợ con dẫn đến những mâu thuẫn bất đồng trong đời sống vợ chồng và đôi bên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay chưa về chung sống lại. Điều này cho thấy mâu thuẫn trong đời sống chung ngày càng trầm trọng, không hạnh Pc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông P.

Về con chung bà Q và ông P có 01 con chung tên Dương Nguyễn N H, sinh ngày 28/3/2018 hiện bà Q đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà Q là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung bà Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về T tụng: Ngày 09 tháng 6 năm 2021 bà Nguyễn Thị T Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn P và yêu cầu được quyền nuôi con, ông P cư trú tại tổ 03, khóm 02, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật T tụng dân sự.

Bị đơn Dương Văn P đã được Tòa án Tng đạt hợp lệ các văn bản T tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 07/4/2022 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2022 và Tng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa bà Q và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn vào năm 2018 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ 2020 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà Q và ông P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà Q và ông P trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2020 đến nay chưa về chung sống lại, các bên bỏ mặc nhau tự sống không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, chưa có sự cảm thông, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến những bất đồng mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ảnh hưởng đến hạnh phúc, tình cảm gia đình, điều này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 01/3/2022.

Tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông P có kéo dài cũng không thể hạnh Phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông P là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Q và ông P có 01 con chung tên Dương Nguyễn N H, sinh ngày 28/3/2018 hiện bà Q đang nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Bà Q có công việc ổn định, có kinh tế thu nhập đủ điều kiện đảm bảo thời gian chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con chung phù hợp với kết quả xác minh ngày 01/3/2022, việc bà Q rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T Q. Bà Nguyễn Thị T Q được ly hôn với ông Dương Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2018 ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T Q được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Nguyễn N H, sinh ngày 28/3/2018. Ông Dương Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Dương Nguyễn N H được sống chung với bà Q, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà Q.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông P.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007968 ngày 18-6-2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Nguyễn Thị T Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng